

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hứa Văn Chế.
- Ông Đinh Văn Thân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Minh Khuê, Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, số x, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị D; chức vụ: Trưởng Phòng Khách hàng cá nhân, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh H; địa chỉ: Tổ x, đường N, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

(Quyết định V/v ủy quyền tham gia tố tụng số: 2289/QĐ-B.HG ngày 27/3/2023 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ chi nhánh Hà Giang)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị K; địa chỉ: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) trình bày:

Ngày 28/9/2018, Ngân hàng Đ chi nhánh Hà Giang và bà Hoàng Thị K đã ký kết hợp đồng tín dụng thể hiện tại Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số: 01/2018/3094968/HĐTD, nội dung hợp đồng thể hiện:

- Số tiền vay: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).
- Phương thức vay: Cho vay theo món tín chấp không có tài sản.
- Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.
- Thời hạn vay: 60 tháng.
- Lịch trả nợ gốc: Gốc trả định kỳ hàng tháng.
- Lịch trả nợ lãi: Trả hàng tháng theo thực tế phát sinh.
- Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Vay tiêu dùng không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 140.271.918 đồng (Một trăm bốn mươi triệu hai trăm bảy mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng), trong đó số tiền gốc đã thanh toán là: 103.000.000 đồng (Một trăm linh ba triệu đồng), số tiền lãi đã thanh toán là: 37.271.918 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng).

Tại thời điểm vay vốn, bị đơn là giáo viên Trường Tiểu học N. Trong thời gian vay vốn, bị đơn đôi khi phát sinh nợ quá hạn. Nhưng từ ngày 10/01/2020, do bị đơn đã thôi việc nên không có nguồn tài chính ổn định trả nợ, do đó thường xuyên phát sinh nợ quá hạn với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện và gặp mặt tại trụ sở Ngân hàng để yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng lịch trả nợ đã ký kết nhưng bị đơn không phối hợp với Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang giải quyết:

1. Buộc bà Hoàng Thị K thanh toán trả số tiền gốc vay còn nợ và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, tính đến ngày 29/7/2024, số tiền: 24.077.629 đồng (Hai mươi tư triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng), trong đó số tiền gốc là: 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả tính đến ngày 29/7/2024 là: 7.077.629 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng).

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Hoàng Thị K thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Đ.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho bị đơn, tuy nhiên bà Hoàng Thị K vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không rõ địa chỉ nơi cư trú mới, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt, thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tuy nhiên không nhận được ý kiến của bị

đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ, buộc bị đơn bà Hoàng Thị K phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Đ số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử là: 24.077.629 đồng, trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng, nợ lãi là 7.077.629 đồng và khoản lãi phát sinh sau thời điểm xét xử cho đến khi trả hết nợ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng Đ khởi kiện bị đơn bà Hoàng Thị K về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn bà Hoàng Thị K không có đăng ký kinh doanh và mục đích ký kết hợp đồng tín dụng của bị đơn là mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, không phải là mục đích lợi nhuận nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Hà Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho bị đơn theo địa chỉ nơi cư trú của bị đơn mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ đã ghi trong hợp đồng mà không thực hiện nghĩa vụ thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn

khởi kiện lại vụ án. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt, thực hiện niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên không nhận được ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Hoàng Thị K vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng thì: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.”* Ngày Ngân hàng Đ biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm được tính kể từ ngày 30/7/2022 là ngày chuyển nợ quá hạn. Sau thời điểm này, bị đơn bà Hoàng Thị K vẫn tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Đ cho đến ngày 31/01/2024, được coi là bên có nghĩa vụ thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày 31/01/2024 theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự. Như vậy, thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng trong vụ án này vẫn còn.

[4] Về nội dung tranh chấp: Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/3094968/HĐTD ngày 28/9/2018 ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng Đ và bị đơn bà Hoàng Thị K thể hiện: Bà Hoàng Thị K vay của Ngân hàng Đ số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày 28/9/2018 đến ngày 28/9/2023; kỳ trả nợ: Định kỳ hàng tháng, vào ngày 20 hàng tháng; số tiền trả nợ gốc: 2.000.000 đồng/tháng; số tiền trả nợ lãi: Theo dư nợ thực tế; phương thức trả nợ: Tự động trừ tài khoản số: 34510000064753 của bên vay tại Ngân hàng Đ; lãi suất: 12,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/lần; số tiền rút vốn: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng); thời điểm rút vốn: 28/9/2018.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/3094968/HĐTD ngày 28/9/2018 ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng Đ và bị đơn bà Hoàng Thị K phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, đáp ứng các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự, hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết; từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.

[6] Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Đ đã giải ngân cho bà Hoàng Thị K toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, thể hiện tại Giấy rút tiền mặt số: 0057 ngày 28/9/2018. Quá trình trả nợ, bà Hoàng Thị K đã trả cho Ngân hàng Đ tổng số tiền là: 140.271.918 đồng, trong đó số tiền gốc đã thanh toán là:

103.000.000 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là: 37.271.918 đồng. Đến nay, mặc dù đã hết thời hạn vay thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng bà Hoàng Thị K vẫn chưa trả số nợ gốc còn lại là: 17.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ buộc bà Hoàng Thị K phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu của Ngân hàng Đ buộc bà Hoàng Thị K phải trả số tiền lãi trên trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả tính đến ngày 29/7/2024 là: 7.077.629 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Khoản nợ của bị đơn bà Hoàng Thị K theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết đã được Ngân hàng Đ chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/7/2022. Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 28/9/2018 giữa Ngân hàng Đ và bà Hoàng Thị K chỉ quy định mức lãi suất cho vay trong hạn, không quy định mức lãi suất nợ quá hạn, nên cần áp dụng quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự để xác định mức lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng để tính lãi quá hạn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Đ tính lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng đối với khoản nợ gốc chưa trả tính đến ngày 29/7/2024, trong đó mức lãi suất trong hạn đến ngày 20/02/2023 là 12,5%/năm, mức lãi suất trong hạn từ ngày 20/02/2023 đến ngày 29/7/2024 là 13%/năm, không yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 30/7/2022 đối với khoản nợ gốc đã trả sau thời điểm ngày 30/7/2022 là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn, nên cần chấp nhận. Tổng số lãi nợ quá hạn mà bị đơn bà Hoàng Thị K phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ là 7.077.629 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng).

[8] Như vậy, bị đơn bà Hoàng Thị K phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Đ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/7/2024 là: 24.077.629 đồng (Hai mươi tư triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: 7.077.629 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng).

[9] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Về án phí: Căn cứ các điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Hoàng Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: $5\% \times 24.077.629 \text{ đồng} = 1.203.881 \text{ đồng}$ (Một triệu hai trăm linh ba nghìn tám trăm tám mươi một đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000365 ngày 15/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

[11] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 184, 186, 227, 228, 266, 271, 273, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 4, các điều 5, 13, 18, 20 và 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ các điều 116, 117, 280, 357, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 7, 8, 10 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị K trả nợ cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số tiền là: **24.077.629 đồng** (Hai mươi tư triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng), trong đó số tiền nợ gốc là: 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng), lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tính đến ngày 29/7/2024 là: 7.077.629 đồng (Bảy triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền **1.203.881 đồng** (Một triệu hai trăm linh ba nghìn tám trăm tám mươi một đồng). Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 640.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000365 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Hà Giang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương